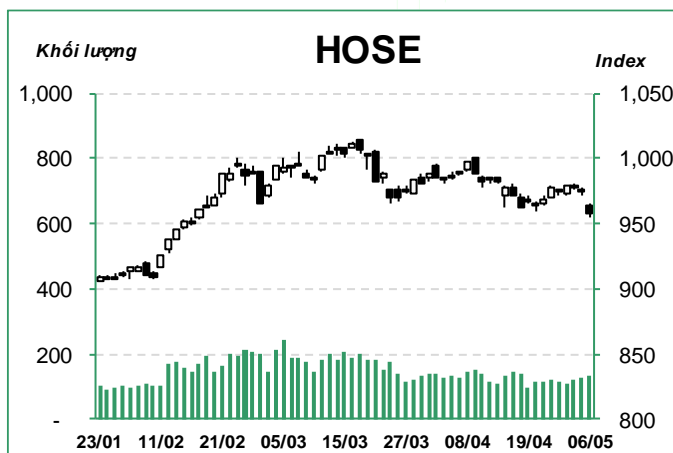


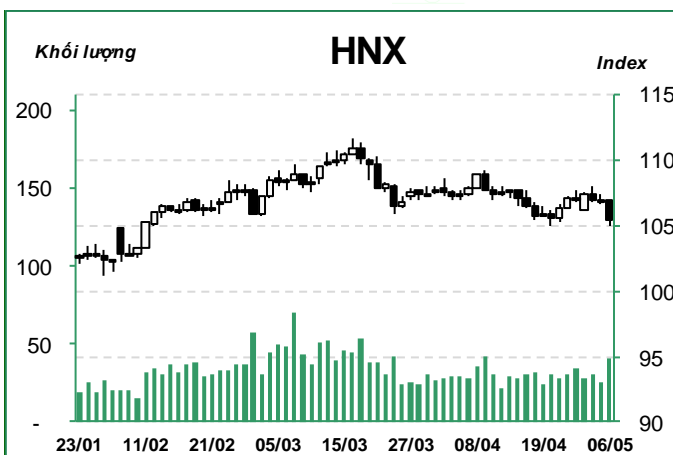
## Tổng quan thị trường

| 06/05/2019                  | HOSE            |               | VN30            |                | HNX             |               |
|-----------------------------|-----------------|---------------|-----------------|----------------|-----------------|---------------|
|                             | Giá trị         | Thay đổi %    | Giá trị         | Thay đổi %     | Giá trị         | Thay đổi %    |
| <b>Giá trị đóng cửa</b>     | <b>957.97</b>   | <b>-1.66%</b> | <b>878.80</b>   | <b>-1.86%</b>  | <b>105.42</b>   | <b>-1.36%</b> |
| Cuối tuần trước             | 974.14          | -1.66%        | 895.42          | -1.86%         | 106.87          | -1.36%        |
| Trung bình 20 ngày          | 976.61          | -1.91%        | 890.99          | -1.37%         | 106.95          | -1.43%        |
| <b>Tổng KLGD (triệu cp)</b> | <b>155.51</b>   | <b>4.67%</b>  | <b>49.56</b>    | <b>-5.10%</b>  | <b>44.15</b>    | <b>56.97%</b> |
| <b>KLGD khớp lệnh</b>       | <b>133.51</b>   | <b>4.52%</b>  | <b>41.22</b>    | <b>-13.86%</b> | <b>40.57</b>    | <b>55.90%</b> |
| Trung bình 20 ngày          | 125.68          | 6.23%         | 38.37           | 7.42%          | 30.44           | 33.29%        |
| <b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>  | <b>3,271.79</b> | <b>-1.15%</b> | <b>1,669.71</b> | <b>-10.02%</b> | <b>489.50</b>   | <b>63.42%</b> |
| <b>GTGD khớp lệnh</b>       | <b>2,779.30</b> | <b>1.62%</b>  | <b>1,401.58</b> | <b>-15.07%</b> | <b>418.12</b>   | <b>64.57%</b> |
| Trung bình 20 ngày          | 2,602.88        | 25.70%        | 1,319.30        | 26.56%         | 352.11          | 39.02%        |
|                             | <b>Tỷ trọng</b> |               | <b>Tỷ trọng</b> |                | <b>Tỷ trọng</b> |               |
| <b>Số mã tăng</b>           | 85              | 24%           | 2               | 7%             | 45              | 12%           |
| <b>Số mã giảm</b>           | 240             | 68%           | 28              | 93%            | 99              | 26%           |
| <b>Số mã đứng giá</b>       | 27              | 8%            | 0               | 0%             | 233             | 62%           |



Chứng khoán Việt Nam lao dốc cùng chứng khoán châu Á trong phiên đầu tuần do căng thẳng thương mại Mỹ - Trung leo thang sau khi Tổng thống Trump muốn tăng mức áp thuế từ 10% lên 25% đối với 200 tỷ USD hàng hóa Trung Quốc. Thanh khoản tăng do áp lực bán tháo gia tăng với sắc đỏ bao trùm thị trường, tuy nhiên mức độ giảm của 2 chỉ số chưa đến 2% trong khi thị trường Trung Quốc giảm đến 6%. Không những vậy, khối ngoại duy trì mua ròng trong lúc thị trường đỏ lửa là một động lực hỗ trợ thị trường.

Vừa bước vào phiên giao dịch, VN-Index lao dốc mạnh. Chỉ số duy trì mức thấp xuyên suốt phiên và đóng cửa tại mức 957.97 điểm (-1.66%). Thanh khoản tăng nhẹ với KLGD khớp lệnh đạt 133.5 triệu cổ phiếu (+4.5%), tương đương 2,779 tỷ đồng giá trị (+1.6%).



Áp lực giảm điểm của chỉ số đến từ đà giảm của hàng loạt các cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc ngành ngân hàng gồm BIDV-BID (-3.2%), Techcombank-TCB (-2.9%), VietinBank-CTG (-2.2%) cũng như ngành bất động sản Vinhomes-VHM (-1.5%), Vincom Retail-VRE (-2.5%), Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)-NVL (-2.4%) và ngành thực phẩm và đồ uống VINAMILK-VNM (-1.5%), SABECO-SAB (-1.3%), Tập đoàn Masan-MSN (-1.8%). Sau tuần giao dịch rất tiêu cực trước đó, cổ phiếu đầu ngành bảo hiểm là Tập đoàn Bảo Việt-BVH (-5.0%) tiếp tục giảm mạnh trong phiên hôm qua. Trong khi đó, cổ phiếu dầu khí chịu tác động kép, không chỉ từ áp lực giảm chung của thị trường mà còn từ việc giá dầu thô cũng giảm mạnh 2% trong phiên sáng, kéo theo cổ phiếu dầu khí gồm PV GAS (-4.1%), Khoan Dầu khí PVDrilling-PVD (-3.4%), Lắp

## Giao dịch thỏa thuận

| Mã CK       | Khối lượng ('000 cp) | GTGD (tỷ đồng) |
|-------------|----------------------|----------------|
| <b>HOSE</b> |                      |                |
| TCB         | 3,580.0              | 84.13          |
| SBT         | 3,057.2              | 58.45          |
| SAB         | 200.4                | 48.50          |
| SCR         | 4,500.0              | 34.26          |
| HNG         | 2,140.0              | 32.36          |
| GEX         | 1,137.0              | 25.52          |
| VHM         | 250.0                | 22.30          |
| NVL         | 380.0                | 22.23          |
| NSC         | 185.8                | 18.30          |
| SHI         | 1,330.0              | 10.74          |
| <b>HNX</b>  |                      |                |
| VGC         | 3,000.0              | 60.00          |
| ACB         | 150.0                | 4.80           |
| CTB         | 100.0                | 3.00           |
| PVS         | 100.2                | 2.56           |
| TTH         | 140.0                | 0.71           |
| DNY         | 56.7                 | 0.28           |
| DCS         | 20.0                 | 0.02           |
| PVX         | 10.0                 | 0.01           |

máy Dầu khí-PXS (-2.0%), Petrolimex-PLX (-1.0%) giảm điểm.

Trong bối cảnh thị trường lao dốc, khối ngoại đẩy mạnh mua ròng trên sàn HOSE với giá trị 77.2 tỷ đồng (+66.2%). Được mua ròng nhiều nhất là HPG (+41.7 tỷ), PLX (+23.5 tỷ), VCB (+12.1 tỷ) trong khi ở chiều ngược lại, BVH (-22.8 tỷ), DXG (-20.1 tỷ), SSI (-8.2 tỷ) bị bán ra nhiều nhất.

Có diễn biến tương tự, HNX-Index cũng giảm mạnh từ đầu phiên và duy trì mức thấp khi chốt ngày giao dịch tại mức 105.42 điểm (-1.36%). Thanh khoản gia tăng mạnh mẽ so với phiên giao dịch trước đó với KLGD khớp lệnh đạt 40.6 triệu cổ phiếu (+55.9%), tương đương 418.1 tỷ đồng giá trị (+64.6%).

Nhóm ngành ngân hàng với các trụ cột như ngân hàng Á Châu-ACB (-2.0%), SHB-SHB (-1.4%) và nhóm dầu khí gồm DVKT Dầu khí PTSC-PVS (-4.7%), Bọc ống Dầu khí Việt Nam-PVB (-2.1%), Dung dịch Khoan Dầu khí-PVC (-1.5%) tác động tiêu cực nhất đến chỉ số. Ngoài ra, nhóm bảo hiểm gồm PVI-PVI (-2.7%), Bảo hiểm Bưu điện-PTI (-9.5%), Tái bảo hiểm Quốc gia-VNR (-2.4%) cũng không nằm ngoài xu hướng giảm chung của thị trường.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên sàn Hà Nội với giá trị 1.9 tỷ đồng (+331%). Chỉ có VGC (+5.4 tỷ) ở chiều mua ròng và PVS (-6.4 tỷ) ở chiều bán ròng là có giao dịch đáng kể. Các mã mua ròng theo sau DGC (+0.4 tỷ), SHB (+0.3 tỷ) hay các mã bán ròng theo sau như SHS (-0.6 tỷ), HAD (-0.3 tỷ) đều có giá trị khá nhỏ.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm thứ ba liên tiếp. Khối lượng giao dịch tiếp tục gia tăng so với các phiên trước cho thấy áp lực bán đang mạnh dần lên. Chỉ số hiện đang đóng cửa dưới MA20, kèm theo đường +DI nằm dưới -DI, cho thấy chỉ số vẫn đang nằm trong xu hướng giảm điểm ngắn hạn. Thêm vào đó, chỉ số đã có phiên giảm mạnh, xuất hiện gap và đóng cửa dưới vùng hỗ trợ 960-965 tiếp tục phát đi tín hiệu tiêu cực. Hiện tại, chỉ số đã giảm về vùng hỗ trợ 952-955, tương ứng vùng MA100, 200. Trong trường hợp, chỉ số không thể giữ được ngưỡng hỗ trợ này, thì khả năng cao sẽ tiếp tục giảm điểm trong ngắn hạn. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có một diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên giảm điểm thứ ba liên tiếp và đã đóng cửa dưới MA100, cho thấy áp lực điều chỉnh ngắn hạn đang mạnh dần lên. Ngưỡng hỗ trợ tiếp theo có thể là vùng quanh 103 điểm (trendline tăng dài hạn từ 2017). Nhìn chung, phiên giảm điểm ngày 06/05 đã phát đi tín hiệu khá tiêu cực về xu hướng trong ngắn hạn. Do đó, nhà đầu tư nên giữ danh mục ở mức cân bằng, hạn chế tham gia mua và tiếp tục hạ tỷ trọng nếu ngưỡng hỗ trợ tiếp theo không giữ được.

## Thống kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| VNL   | 17.7                | 0.0            | 7.0%         |
| L10   | 22.3                | 8.1            | 7.0%         |
| AGM   | 10.5                | 0.0            | 6.8%         |
| HOT   | 32.4                | 0.0            | 6.8%         |
| VMD   | 19.9                | 0.0            | 6.7%         |

#### Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| BRC   | 9.8                 | 0.0            | -10.8%       |
| FDC   | 17.3                | 4.8            | -7.0%        |
| ICF   | 0.9                 | 2.1            | -6.9%        |
| KDC   | 18.9                | 48.4           | -6.9%        |
| PTC   | 6.5                 | 0.0            | -6.9%        |

#### Top 5 giá trị

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| ROS   | 30.5                | 290.5             | -0.3%        |
| HPG   | 33.5                | 150.4             | -2.1%        |
| BVH   | 72.9                | 142.8             | -5.0%        |
| VJC   | 117.3               | 99.1              | -1.0%        |
| MBB   | 21.5                | 75.1              | -2.7%        |

#### Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| ROS   | 30.5                | 9,600.6        | -0.3%        |
| FLC   | 4.7                 | 8,669.7        | -2.9%        |
| HPG   | 33.5                | 4,500.1        | -2.1%        |
| HSG   | 8.2                 | 4,444.4        | -2.5%        |
| AAA   | 17.1                | 4,016.9        | -3.7%        |

### HNX

#### Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| NHP   | 0.8                 | 555.1          | 14.3%        |
| GDW   | 18.7                | 0.1            | 10.0%        |
| VE3   | 6.6                 | 0.1            | 10.0%        |
| VLA   | 19.1                | 0.1            | 9.8%         |
| KST   | 16.9                | 0.1            | 9.7%         |

#### Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| DPS   | 0.6                 | 367.0          | -14.3%       |
| PVV   | 0.6                 | 692.6          | -14.3%       |
| DCS   | 0.7                 | 632.2          | -12.5%       |
| PSC   | 17.1                | 1.0            | -10.0%       |
| ATS   | 25.5                | 0.4            | -9.9%        |

#### Top 5 giá trị

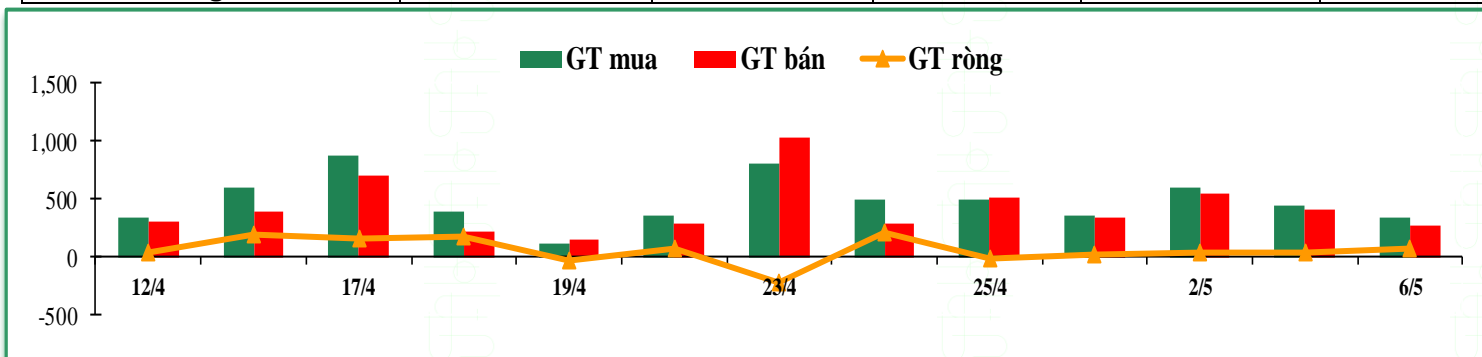
| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PVS   | 22.5                | 84.5              | -4.7%        |
| SHB   | 7.3                 | 61.7              | -1.4%        |
| VGC   | 20.0                | 43.9              | -0.5%        |
| ACB   | 29.4                | 40.8              | -2.0%        |
| TNG   | 21.0                | 26.3              | 2.4%         |

#### Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| SHB   | 7.3                 | 8,405.7        | -1.4%        |
| PVS   | 22.5                | 3,704.4        | -4.7%        |
| OCH   | 7.1                 | 3,091.4        | 9.2%         |
| VGC   | 20.0                | 2,198.4        | -0.5%        |
| BII   | 1.1                 | 1,693.5        | -8.3%        |

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

| Sàn GD         | GT Mua       | % Thị trường | GT Bán       | % Thị trường | Mua-Bán     |
|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|-------------|
| HOSE           | 341.1        | 12.3%        | 264.0        | 9.5%         | 77.2        |
| HNX            | 7.8          | 1.9%         | 9.7          | 2.3%         | -1.9        |
| <b>Tổng số</b> | <b>348.9</b> |              | <b>273.6</b> |              | <b>75.3</b> |



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| HPG   | 33.5                | 59.3              | -2.1%        |
| SAB   | 240.5               | 53.2              | -1.3%        |
| VHM   | 89.0                | 51.1              | -1.6%        |
| PLX   | 61.0                | 23.7              | -1.0%        |
| VNM   | 129.1               | 22.5              | -1.5%        |

#### Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| SAB   | 240.5               | 48.8              | -1.3%        |
| VHM   | 89.0                | 45.0              | -1.6%        |
| BVH   | 72.9                | 27.0              | -5.0%        |
| DXG   | 19.2                | 22.4              | -6.8%        |
| HPG   | 33.5                | 17.6              | -2.1%        |

#### Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| HPG   | 33.5                | 41.7              | -2.1%        |
| PLX   | 61.0                | 23.5              | -1.0%        |
| VCB   | 66.3                | 12.1              | -0.6%        |
| VNM   | 129.1               | 9.4               | -1.5%        |
| PHR   | 50.6                | 7.6               | 0.0%         |

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VGC   | 20.0                | 5.7               | -0.5%        |
| SHB   | 7.3                 | 0.4               | -1.4%        |
| DGC   | 35.8                | 0.4               | -1.4%        |
| TNG   | 21.0                | 0.3               | 2.4%         |
| BVS   | 12.3                | 0.2               | -0.8%        |

#### Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PVS   | 22.5                | 6.4               | -4.7%        |
| SHS   | 11.3                | 0.6               | 0.0%         |
| VGC   | 20.0                | 0.4               | -0.5%        |
| HAD   | 30.0                | 0.3               | -2.0%        |
| NDN   | 12.9                | 0.3               | -2.3%        |

#### Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VGC   | 20.0                | 5.4               | -0.5%        |
| DGC   | 35.8                | 0.4               | -1.4%        |
| SHB   | 7.3                 | 0.3               | -1.4%        |
| TNG   | 21.0                | 0.2               | 2.4%         |
| DCS   | 0.7                 | 0.1               | -12.5%       |

## Tin trong nước

---

### **Đà Nẵng thu hút 361 triệu USD vào 44 dự án FDI**

**Từ đầu năm tới 23/4, Đà Nẵng cấp mới 44 dự án FDI với hàng loạt nhà máy công nghệ cao.**

Theo báo cáo của Sở Kế hoạch & Đầu tư Đà Nẵng, từ ngày 1/4 - 23/4, thành phố cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 11 dự án với tổng vốn đăng ký là 8,77 triệu USD.

Bên cạnh đó, tháng 4, Đà Nẵng có 13 lượt nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần với tổng số 0,62 triệu USD (tăng 307,97% so với cùng kỳ năm ngoái).

Lũy kế từ đầu năm đến nay, trên địa bàn thành phố có 44 dự án cấp mới, với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 361 triệu USD.

Lũy kế đến nay, Đà Nẵng có 728 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký 3,36 tỷ USD. Theo tính toán của Cục Đầu tư nước ngoài, Đà Nẵng hiện đang xếp thứ 16 trong số các địa phương thu hút FDI lớn nhất nước.

Đà Nẵng xác định năm 2019 là "Năm tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư". Quý II, thành phố cho biết sẽ tiếp tục đơn đốc, chỉ đạo các sở, ngành thực hiện một số hoạt động. Cụ thể như hoàn thiện cơ chế, chính sách; hoàn thiện cơ sở hạ tầng để thu hút đầu tư; tập trung chuẩn bị thủ tục, xúc tiến các dự án trọng điểm động lực cần thu hút đầu tư; hỗ trợ nhà đầu tư tại chỗ, cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin...

### **Thị trường BĐS 8 tháng tới sẽ diễn biến như thế nào?**

Lãnh đạo Bộ Xây dựng cho rằng thị trường bất động sản (BDS) năm 2019 sẽ không nổi bật so với năm 2018. BĐS công nghiệp và BĐS du lịch được dự báo vẫn là 2 xu hướng đầu tư trọng điểm của thị trường. Những tác động về mặt chính sách của Nhà nước và xu hướng đầu tư của doanh nghiệp nước ngoài được dự báo sẽ ảnh hưởng nhiều đến toàn bộ thị trường.

## Tin doanh nghiệp niêm yết

**Bảo Việt báo lãi ròng quý I giảm 8,5% do hụt thu từ đầu tư chứng khoán**  
**Doanh thu hoạt động tài chính của Bảo Việt giảm 37%, trong đó lãi đầu tư kinh doanh chứng khoán chỉ đạt gần 41 tỷ đồng trong khi cùng kỳ khoản này lên đến 1.385 tỷ đồng.**

Quý I, Tập đoàn Bảo Việt (HoSE: BVH) ghi nhận gần 8.100 tỷ đồng doanh thu bảo hiểm, tăng 19% so với cùng kỳ. Trong đó, phần bảo hiểm nhân thọ đem về cho công ty tăng gần 20% và đạt hơn 5.532 tỷ đồng. Phần phí bảo hiểm phi nhân thọ đem về cho công ty 2.669,5 tỷ đồng, tăng 10,5%.

Tổng chi trực tiếp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm của công ty đạt 7.333 tỷ đồng, giảm khoảng 3% so với cùng kỳ. Lợi nhuận gộp kỳ này là gần 120 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ khoản này là âm 1.139 tỷ đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính giảm mạnh 37% và đạt 1.790,4 tỷ đồng, trong đó lãi tiền gửi hơn 1.010 tỷ đồng, tăng 73% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, hoạt động đầu tư, kinh doanh chứng khoán chỉ gần 41 tỷ đồng trong khi cùng kỳ khoản này lên đến 1.385 tỷ đồng.

Kết quả, Bảo Việt báo lãi sau thuế quý I hơn 455 tỷ đồng, giảm 10% so với cùng kỳ, trong đó, phần lãi của chủ sở hữu công ty là 444,3 tỷ đồng, giảm 8,5%.

Hết quý I, tổng tài sản của Bảo Việt đạt 116.561 tỷ đồng, tăng khoảng 3% so với đầu năm. Tài sản ngắn hạn đạt khoảng 72.973 tỷ đồng, tăng 5,3%. Tiền và các khoản tương đương tiền đạt 3.033 tỷ đồng, tăng khoảng 40%.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn vẫn đạt đến 54.633 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là tiền gửi với 52.910 tỷ đồng.

### **ACB được áp dụng tiêu chuẩn Basel II**

**Cùng với ACB, 3 ngân hàng khác cũng được áp dụng tiêu chuẩn Basel II là MB, TPBank và VPBank.**

Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB - HNX: ACB) vừa được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) trao quyết định áp dụng Thông tư 41/2016 quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (phương pháp tiêu chuẩn của Basel II) kể từ ngày 1/5.

Cùng với ACB, MB, TPBank và VPBank cũng được NHNN trao quyết định áp dụng Thông tư 41 trong đợt này. Trước đó, 3 ngân hàng khác đã được NHNN cho phép áp dụng tiêu chuẩn Basel II là Vietcombank, VIB và OCB.

ACB là một trong 10 ngân hàng gồm Vietcombank, VietinBank, BIDV, MBBank, Sacombank, Techcombank, ACB, VPBank, VIB và Maritime Bank được NHNN lựa chọn triển khai thí điểm Basel II từ năm 2014.



Năm 2019, ACB đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 7.279 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 14% so với năm 2018; lợi nhuận sau thuế đạt 5.823 tỷ đồng. Riêng ngân hàng mẹ ước đạt 7.010 tỷ đồng lãi trước thuế, 5.608 tỷ đồng lãi sau thuế.

Hết quý I, lợi nhuận sau thuế của ngân hàng đạt gần 1.366 tỷ đồng, tăng 19,3% so với cùng kỳ 2018 và đạt 23% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế đạt gần 1.707 tỷ đồng, tăng 217 tỷ đồng và đạt 23,4% kế hoạch.

## **VIB chuẩn bị thưởng hơn 7,77 triệu cổ phiếu quỹ cho nhân viên**

**Hơn 7,77 triệu cổ phiếu quỹ này sẽ được giao dịch trong thời gian dự kiến từ 13/5 từ 11/6 tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.**

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB - UPCoM: VIB) vừa thông báo về phương án bán hơn 7,77 triệu cổ phiếu quỹ để thưởng cho người lao động trong ngân hàng.

Thời gian giao dịch dự kiến là từ ngày 13/5 đến 11/6. Cổ phiếu sẽ được chuyển nhượng tại Trung tâm lưu ký chứng khoán. Nguồn vốn được sử dụng là từ thặng dư vốn cổ phần.

Trước đó, Đại hội cổ đông thường niên 2019 đã thông qua phương án sử dụng hơn 7,77 triệu cổ phiếu trong tổng số hơn 31,9 triệu cổ phiếu quỹ để thưởng cho cán bộ nhân viên. Dự kiến sau khi chia thưởng, VIB còn lại hơn 24,1 triệu cổ phiếu quỹ.

Trong năm 2018, nhà băng này cũng dành 1,94 triệu cổ phiếu quỹ chi thưởng cho nhân viên.

Trước đó, theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 đã được ĐHĐCĐ thông qua, với mức lợi nhuận sau thuế là gần 2.216 tỷ đồng, VIB sẽ trích lập gần 1.488 tỷ đồng cho các quỹ và chia cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5,5% (theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu). Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức là gần 297 tỷ đồng.

Theo báo cáo tài chính quý I/2019, lợi nhuận trước thuế của VIB đạt 810 tỷ đồng, tăng 56% so với cùng kỳ năm 2018 và đạt 24% kế hoạch năm.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Lý Do              |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|--------------------|
| 1   | VHM   | Cắt lỗ      | 2/5/2019         | 89.0         | 92.0          | -3.3%          | 96.7         | 5.1%       | 89.0       | -3.3%      | Chạm ngưỡng cắt lỗ |

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Lý Do                    |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|--------------------------|
| 1   | MSH   | Nắm giữ     | 4/4/2019         | 61.60        | 52.90         | 16.4%          | 62.0         | 17%        | 50.0       | -5%        | Nâng giá mục tiêu lên 62 |
| 2   | GAS   | Mua         | 23/4/2019        | 107.90       | 108.60        | -0.6%          | 120.0        | 10%        | 104.0      | -4%        |                          |
| 3   | PLX   | Mua         | 24/4/2019        | 61.00        | 61.30         | -0.5%          | 65.6         | 7%         | 59.7       | -3%        |                          |
| 4   | PPC   | Mua         | 24/4/2019        | 27.00        | 27.20         | -0.7%          | 30.5         | 12%        | 25.2       | -7%        |                          |
| 5   | VRE   | Mua         | 25/4/2019        | 35.20        | 35.40         | -0.6%          | 38.0         | 7%         | 34.0       | -4%        |                          |
| 6   | MSN   | Mua         | 3/5/2019         | 87.00        | 88.50         | -1.7%          | 97.0         | 10%        | 85.0       | -4%        |                          |
| 7   | HVH   | Mua         | 3/5/2019         | 26.35        | 26.05         | 1.2%           | 31.0         | 19%        | 24.2       | -7%        |                          |
| 8   | ANV   | Mua         | 6/5/2019         | 28.00        | 26.95         | 3.9%           | 30.0         | 11%        | 26.0       | -4%        |                          |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

| Mã CK                     | Sàn   | Thị giá | Giá mục tiêu* | Ngày ra báo cáo | Lợi nhuận 2018/19E (tỷ) | EPS 2018/19E | BV 2018/19E | ROE 2018/19E | ROA 2018/19E | PE 2018/19E | PB 2018/19E | Cổ tức dự kiến** |
|---------------------------|-------|---------|---------------|-----------------|-------------------------|--------------|-------------|--------------|--------------|-------------|-------------|------------------|
| <a href="#">HPG</a> (New) | HOSE  | 33,450  | 33,600        | 19/04/2019      | 8,501                   | 4,003        | N/A         | 23%          | 13%          | 10.0        | 2.6         | N/A              |
| <a href="#">MSN</a> (New) | HOSE  | 87,000  | 96,375        | 18/04/2019      | 5,206                   | 4,476        | 33,331      | 14%          | 8%           | 22.0        | 2.9         | N/A              |
| <a href="#">GAS</a> (New) | HOSE  | 107,900 | 90,500        | 11/04/2019      | 11,510                  | 6,014        | N/A         | 24%          | 16%          | 16.0        | 2.6         | N/A              |
| <a href="#">POW</a> (New) | HOSE  | 14,250  | 19,100        | 13/03/2019      | 2,133                   | 911          | 10,685      | 9%           | 4%           | 21.0        | 1.8         | 7%               |
| <a href="#">CTD</a> (New) | HOSE  | 119,500 | 157,632       | 25/01/2019      | 1,608                   | 21,302       | 117,140     | 19%          | 9%           | 7.4         | 1.3         | 50%              |
| <a href="#">BMP</a> (New) | HOSE  | 45,500  | 75,200        | 09/01/2019      | 499                     | 6,090        | 33,553      | 19%          | 16%          | 12.4        | 2.2         | 40%              |
| <a href="#">CTI</a> (New) | HOSE  | 23,600  | 30,370        | 24/12/2018      | 139                     | 1,789        | 23,470      | 10%          | 3%           | 16.9        | 1.3         | 10%              |
| <a href="#">QNS</a>       | HOSE  | 41,800  | 47,753        | 21/12/2018      | 1,097                   | 3,751        | 16,965      | 23%          | 15%          | 12.7        | 2.8         | 15%              |
| <a href="#">ANV</a>       | HOSE  | 28,000  | 42,824        | 12/12/2018      | 588                     | 3,890        | 14,795      | 38%          | 18%          | 12.0        | 2.9         | 20%              |
| <a href="#">LHG</a>       | HOSE  | 18,250  | 27,200        | 05/12/2018      | 182                     | 3,643        | 23,964      | 16%          | 9%           | 7.5         | 1.1         | 15%              |
| <a href="#">GIL</a>       | HOSE  | 33,200  | 47,122        | 04/12/2018      | 176                     | 9,237        | 38,783      | 27%          | 11%          | 5.1         | 1.2         | 30%              |
| <a href="#">NTC</a>       | UPCOM | 102,000 | 91,800        | 04/12/2018      | 440                     | 27,497       | 34,719      | 94%          | 14%          | 7.1         | 3.2         | 60%              |
| <a href="#">ACB</a>       | HNX   | 29,400  | 37,400        | 29/11/2018      | 5,349                   | 4,289        | 17,477      | 28%          | 2%           | 8.7         | 2.1         | 15%              |
| <a href="#">DVP</a>       | HOSE  | 36,500  | 66,000        | 28/11/2018      | 326                     | 6,879        | 28,359      | 26%          | 23%          | 9.6         | 2.3         | 45%              |
| <a href="#">HVN</a>       | UPCOM | #N/A    | 36,000        | 14/11/2018      | 2,145                   | 1,512        | 13,897      | 12%          | 2%           | 21.8        | 2.4         | 8%               |
| <a href="#">KDH</a>       | HOSE  | 30,500  | 32,900        | 14/11/2018      | 671                     | 1,736        | 15,050      | 11%          | 7%           | 18.9        | 2.1         | 5%               |
| <a href="#">TNG</a>       | HNX   | 21,000  | 22,705        | 05/11/2018      | 175                     | 3,548        | 15,909      | 25%          | 7%           | 6.4         | 1.4         | 20%              |
| <a href="#">TCM</a>       | HOSE  | 28,950  | 29,986        | 05/11/2018      | 241                     | 4,436        | 32,810      | 21%          | 7%           | 6.8         | 0.9         | 10%              |
| <a href="#">VJC</a>       | HOSE  | 117,300 | 104,300       | 05/11/2018      | 5,810                   | 10,727       | 42,703      | 46%          | 18%          | 12.5        | 3.9         | 40%              |
| <a href="#">FPT</a>       | HOSE  | 48,750  | 57,500        | 17/10/2018      | 3,533                   | 5,124        | 19,748      | 28%          | 14%          | 10.0        | 2.9         | 25%              |
| <a href="#">REE</a>       | HOSE  | 31,000  | 44,300        | 15/10/2018      | 1,609                   | 5,190        | 29,499      | 19%          | 11%          | 7.7         | 1.3         | 16%              |
| <a href="#">TCB</a>       | HOSE  | 23,300  | 33,200        | 11/10/2018      | 7,894                   | 2,258        | 15,417      | 20%          | 3%           | 14.7        | 2.2         | N/A              |

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2018 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

### © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn) Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.